

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN CẦU KÈ

Độc lập - Tự do - Hạnh
phúc

TỈNH TRÀ VINH

Bản án số:
17/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân

Ông Đặng Lễ Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS, ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST-QĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 19/5/1988, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm vườn. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964 và Trần Thị Mai C, sinh năm 1971; vợ: Trần Thị Yến P, sinh năm 1989; Con: Có 02 (hai) người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Ngày 07/6/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà

Vinh xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đến ngày 13/01/2023 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2023 cho đến nay

2. **Lê Trang Thế T1**, 11/8/2004, tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Không nghề. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Lê Văn T2, sinh năm 1979 và Trang Ngọc T3, sinh năm 1985. Vợ con: chưa có. Tiền án: Không có. Tiền sự: Tiền sự: Ngày 09/6/2022 bị Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích cho người khác”, chưa chấp hành quyết định xử phạt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2023 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Thùy T4, sinh ngày 22/7/2008 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người giám hộ cho Nguyễn Thị Thùy T4 là bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Trần Ngọc Á, sinh năm 1959 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng:

1. Chị Phan Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2007 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người giám hộ cho chị Phan Quỳnh N là bà Trần Thị Kim T5, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Lê Thị Mỹ T6, sinh ngày 29/7/2005 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Văn L1, sinh này 01 tháng 01 năm 1990 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Đức T7, sinh ngày 07/02/1988 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Hoàng Văn S1, sinh ngày 01/01/1984 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Ông Lê Tuấn D, sinh ngày 03/6/1983 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

7. Ông Vũ Đại T8, sinh ngày 22/4/1994 (có mặt);

Nơi cư trú: Số D, đường M, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh.

8. Ông Huỳnh Văn H, sinh ngày 01/01/1963 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/6/2023, bị cáo Nguyễn Thanh T cùng với những người sau đây: Hoàng Văn S1 (tài xế), Nguyễn Văn L1, Nguyễn Đức T7, Vũ Đại T8 và Nguyễn Tuấn D1; đến phòng số 3, quán karaoke Ngọc A, để uống bia và hát karaoke. Lúc này, Nguyễn Thị Thùy T4, sinh ngày 22/7/2008 cùng 04 (bốn) nhân viên khác của quán karaoke Ngọc A vào phục vụ cho nhóm của bị cáo T.

Đến khoảng 00 giờ ngày 09/6/2023, bị cáo T và T4 bàn bạc với nhau mua ma túy loại Ketamine (K) và MDMA (thuốc lắc) về cùng sử dụng, bị cáo T là người chi tiền, còn T4 liên lạc tìm mua chất ma túy, đồng thời Trang cho biết quán karaoke Ngọc A không cho sử dụng ma túy.

Ngay sau đó, T4 sử dụng điện thoại di động đã mượn của Lê Thị Mỹ T6, sinh ngày 29/7/2005 (nhưng T6 không biết T4 mượn điện thoại của mình để liên lạc mua ma túy), đăng nhập vào mạng xã hội Facebook của T4, điện thoại và nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho bị cáo Lê Trang Thế T1 (là bạn bè quen biết với T4) để mua 02 (hai) túi ma túy loại Ketamine (K) với số tiền 6.000.000đồng và 04 (bốn) viên ma túy loại MDMA (thuốc lắc) với số tiền 1.200.000đồng thì bị cáo T1 đồng ý. T4 cho bị cáo T biết tiền mua ma túy là 7.200.000đồng, tiền công giao ma túy 300.000đồng. Tổng số tiền bị cáo T phải trả là 7.500.000đồng thì bị cáo T1 chấp thuận. T4 thông tin cho bị cáo T biết, bị cáo T1 chuẩn bị đến giao ma túy thì bị cáo T yêu cầu chuyển khoản để trả tiền, T4 yêu cầu bị cáo T1 cung cấp số tài khoản ngân hàng thì bị cáo T1 cung cấp số tài khoản cho T4, rồi T4 cung cấp số tài khoản ngân hàng số 0397062849 mở tại Ngân hàng TMCP Q, do bị cáo Lê Trang Thế T1 đứng tên chủ tài khoản cho bị cáo T. Sau đó, bị cáo T sử dụng điện thoại di động của mình nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone 14 Pro Max, có số thuê bao 0935.112.925 vào ứng dụng M chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng S2 do bị cáo T đứng tên vào số tài khoản nêu trên của bị cáo T1 số tiền 7.500.000đồng để thanh toán tiền mua ma túy. Khi chuyển tiền xong, T4 chụp màn hình điện thoại của bị cáo T, hiển thị đã giao dịch chuyển tiền thành công và chuyển tin nhắn thông báo cho bị cáo T1 biết, để mang ma túy đến giao như thỏa thuận.

Về phía bị cáo Lê Trang Thế T1, sau khi đồng ý bán ma túy cho Nguyễn Thị Thùy T4, bị cáo lấy 01 (một) túi nhựa, loại túi zip, trong suốt được khóa kín một đầu, bên trong chứa 04 (bốn) viên nén màu xanh là ma túy MDMA (thuốc lắc) và 02 (hai) túi nhựa, loại túi zip, trong suốt được khóa kín một đầu, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng là ma túy Ketamine (K) cho vào túi quần phía trước, bên phải bị cáo đang mặc (số lượng ma túy bị cáo T1 có được, khai nhận do người bạn tên T9 tặng). Sau đó, bị cáo T1 một mình điều khiển xe mô tô, loại Dream, màu đỏ, biển số 64K2-7467 mang theo chất ma túy đến quán karaoke Ngọc A. Trên đường đi, bị cáo T1 nhận được tin nhắn messenger của T4 yêu cầu bị cáo cung cấp số tài khoản ngân hàng để T4 thanh toán tiền mua

ma túy thì bị cáo T1 cung cấp số tài khoản ngân hàng C1 (Ngân hàng M2), do bị cáo T1 đứng tên cho T4 và nhận được số tiền 7.500.000đồng do bị cáo Nguyễn Thanh T chuyển khoản. Khi đến nơi, bị cáo T1 đi vào trước cửa phòng hát số 3 quán karaoke Ngọc A. Tại đây, bị cáo T1 gặp được T4 và đưa cho T4 03 (ba) túi nhựa có chứa chất ma túy nêu trên, rồi bị cáo T1 trở về nhà.

Nhận ma túy xong, T4 vào phòng nghỉ thay đồ và rủ Lê Thị Mỹ T6 và Phan Quỳnh N, sinh ngày 25/6/2007 (nhân viên quán karaoke Ngọc A) cùng sử dụng ma túy thì được T6 và N đồng ý. T4 yêu cầu Như mang theo loa di động và đèn chiếu mini để vào khách sạn sử dụng ma túy. Sau đó, T4 đi vào phòng hát số 3 đưa lại 03 (ba) túi nhựa chứa chất ma túy nêu trên cho bị cáo T. Bị cáo T cầm 03 (ba) túi ma túy trên tay kiểm tra thấy đúng số lượng ma túy đã nhờ T4 mua nên giao lại cho T4 quản lý dùm để đến khách sạn sử dụng. Nhận được ma túy từ bị cáo T, T4 cho vào túi xách màu đen của mình cất giữ giúp bị cáo T.

Sau khi thanh toán tiền hát karaoke xong, bị cáo T cùng với T4, Như, T6, L1, T7, T8 và D1 lên xe ô tô loại 07 chỗ ngồi do S1 điều khiển, đến khách sạn S3; tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C với mục đích thuê phòng để sử dụng ma túy. Đến nơi, do khách sạn đóng cửa nên bị cáo T, L1, T4, N, T6 xuống xe đứng phía trước cổng khách sạn để liên hệ thuê phòng, còn lại T8, T7, D1 ở trên xe chuẩn bị về huyện T. Ngay sau đó, T4 gọi điện thoại cho chủ khách sạn để thuê phòng. Trong lúc đứng đợi thì T4 phát hiện Tổ tuần tra phòng chống tội phạm Công an huyện C. Lo sợ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bản thân bị phát hiện nên T4 đưa tay vào túi xách màu đen lấy 03 (ba) túi nhựa chứa chất ma túy nêu trên ném phía trước cổng hàng rào (khu vực cổng phụ) của khách sạn thì bị Tổ tuần tra phòng chống tội phạm Công an huyện C phát hiện sự việc.

Tại hiện trường, phát hiện những đồ vật gồm: 01 (một) túi nhựa, loại túi zip, trong suốt được khóa kín một đầu, viền màu xanh, kích thước túi (4 x 3)cm, bên trong chứa 04 (bốn) viên nén màu xanh nghi là ma túy; 02 (hai) túi nhựa, loại túi zip, trong suốt được khóa kín một đầu, viền màu xanh, kích thước mỗi túi (3 x 3)cm, bên trong chứa nhiều tinh thể rắn, màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) túi nhựa màu đen (loại có quai), bên trong có chứa: 01 (một) tờ T13 mệnh giá 1.000đồng; 01 (một) tờ T13 mệnh giá 20.000đồng; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 01 USD; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh; 03 (ba) bật lửa màu đỏ; 01 (một) đĩa sứ, hình tròn, màu trắng; 01 (một) loa di động và 01 (một) đèn chiếu mini. Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản tạm giữ, niêm phong theo quy định.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lê Trang Thế T1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Thùy T4 và những người làm chứng.

Ngày 09/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với các chất nghi là ma túy thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Thùy T4.

Vào tối cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, rạng sáng ngày 10/6/2023 ra Quyết định tạm giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Nguyễn Thanh T. Trong ngày 10/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã ra Quyết định phê chuẩn Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo T.

Ngày 12/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định gia hạn tạm giữ lần thứ nhất đối với bị cáo Nguyễn Thanh T. Việc gia hạn tạm giữ đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè ra Quyết định phê chuẩn theo quy định.

Ngày 13/6/2023, Phòng K Công an tỉnh T có Bản kết luận giám định số: 420/KL-KTHS, kết luận:

- Gói 01: 04 (bốn) viên nén hình tròn, màu xanh chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là *ma túy*, loại MDMA, tổng khối lượng: 1,3515gam; Tinh thể rắn màu trắng, chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là *ma túy*, loại Ketamine, khối lượng: 1,0235gam.

- Gói 02: Tinh thể rắn màu trắng, chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong ký hiệu A3 gửi giám định là *ma túy*, loại Ketamine, khối lượng: 1,4818gam.

Căn cứ Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự. Đối với chất ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 1,3515gam và chất ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng: 2,5053gam được xác định như sau:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của chất MDMA so với mức tối thiểu được quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự là: 27,03% (1,3515gam so với 05gam dưới 30 gam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của chất Ketamine so với mức tối thiểu được quy định tại điểm l, khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự là: 12,5265% (2,5053gam so với 20gam đến dưới 100gam).

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của 02 chất MDMA và Ketamine là: 27,03% + 12,5265% = 39,5565% nên thuộc trường hợp dưới 100%. Do đó, tổng khối lượng của chất ma túy MDMA và Ketamine thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, xác định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã cấu thành tội phạm. Do đó, ngày 15/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị cáo và ra Lệnh tạm giam đối với bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định trưng cầu giám định số: 44/QĐ-ĐCSHS-KTMT trưng cầu Phân viện khoa học hình sự - Bộ C2 tại Tp . giám định độ tuổi của Nguyễn Thị Thùy T4. Ngày 05/7/2023, Phân viện khoa học hình sự - Bộ C2 tại Tp . ra Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số: 4183/KLGĐĐT-C09B kết luận: Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 6 năm 2023) Nguyễn Thị Thùy T4 có độ tuổi từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng.

Căn cứ vào Kết luận giám định độ tuổi và các tài liệu chứng cứ thu thập được nêu trên, xác định: Hành vi của bị cáo Lê Trang Thế T1 đã cấu thành tội phạm. Do đó, ngày 20/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị cáo và ra Lệnh bắt bị cáo để tạm giam đối với bị cáo Lê Trang Thế T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra, giải quyết theo quy định.

Đối với Nguyễn Thị Thùy T4, vào ngày 09/6/2023 T4 đã bàn bạc với bị cáo T để tìm nơi sử dụng chất ma túy và liên hệ với bị cáo T1 mua trái phép chất ma túy giúp bị cáo T. Tại thời điểm vi phạm T4 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, ngày 15/6/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra có căn cứ xác định, tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm Nguyễn Thị Thùy T4 là người dưới 16 tuổi, do đó hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm vào điểm đ khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự với tình tiết “sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội”.

Đối với người thanh niên tên “T9” cho bị cáo Tân chất ma túy. Quá trình làm thuê tại thành phố T, Tp . bị cáo Tân quen được người thanh niên tên T9, bị cáo không xác định được cụ thể họ tên, địa chỉ cũng như nơi làm việc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không có căn cứ để tiến hành điều tra, xác minh.

Đối với xe mô tô, loại Dream, màu đỏ, biển số 64K2-7467, bị cáo Lê Trang T10 T1 dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Phương tiện trên, bị cáo mua của người thanh niên tên “T7” tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của “T7” (không có làm giấy tờ mua bán) nên Cơ quan điều tra không thể triệu tập, làm việc được. Kết quả kiểm tra xác định, người đứng tên sở hữu phương tiện là ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1960, ngụ ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Qua làm việc, ông N1 xác định xe mô tô biển số 64K2-7467 đã được ông bán cho người khác vào năm 2013 (không xác định được bán cho ai), không thực hiện thủ tục sang tên, hiện nay ông N1 không có yêu cầu gì đối với xe mô tô trên.

Quá trình điều tra, lời khai bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Thùy T4 mâu thuẫn nội dung ai là người rủ sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng cả hai vẫn bảo lưu lời trình bày. Căn cứ vào quá trình điều tra, xác định vào ngày 09/6/2023 bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Thùy T4 đã cùng bàn bạc, trao đổi và thống nhất việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt khác, Nguyễn Thị Thùy T4 khai nhận quen biết bị cáo Lê Trang T10 Tân vào đầu năm 2023, T4 đã liên hệ bị cáo T1 mua trái phép chất ma túy 02 (hai) lần giúp cho khách đến hát tại quán K1. Do thời gian đã lâu, T4 không nhớ đã liên hệ mua giúp ma túy cho ai, ở đâu, không nhớ mua thời gian nào, số lượng bao nhiêu. Do mâu thuẫn lời khai, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thị Thùy T4 và bị cáo Lê Trang Thế T1, kết quả bị cáo T1 và T4 vẫn bảo lưu lời khai của mình, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định bị cáo T1 còn bán trái phép chất ma túy cho người khác như T4 đã trình bày. Đồng thời, Nguyễn Thị Thùy T4 khai vào ngày 09/6/2023,

khi bị cáo T1 mang ma túy đến quán karaoke Ngọc A giao cho T4 thì T4 cho biết, được Tân tặng 01 (một) túi nhựa màu trắng, có viền màu xanh kích thước khoảng (1,5 x 1,5)cm bên trong có chứa một ít ma túy loại Ketamine. Trong lúc T4 cùng với bị cáo T, T6, N và L1 ở phía trước khách sạn S3, khi phát hiện lực lượng Công an huyện C thì T4 đã ném bỏ tất cả chất ma túy đã mua giúp bị cáo T, đồng thời Trang ném bỏ phía trước cổng rào của khách sạn túi nhựa có chứa ma túy mà bị cáo T1 đã tặng cho T4 nêu trên. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa T4 và bị cáo T1, kết quả bị cáo T1 không thừa nhận có cho T4 túi ma túy như T4 đã trình bày. Tiến hành kiểm tra khu vực nơi T4 khai nhận ném bỏ chất ma túy, Cơ quan điều tra không phát hiện gì nên tiến hành lập biên bản ghi nhận.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 18/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Trang T10 T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo T và T1. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T1 có người thân là ông ngoại tên Trang Thành Đ được Nhà nước công nhận thương binh hạng $\frac{3}{4}$ là người có công cách mạng; bị cáo T là lao động chính trong gia đình và có con đang được theo dõi rối loạn phổ tự kỷ và đang theo học các khóa kỹ năng sống phù hợp khả năng nhận thức của bản thân tại Trung Tâm R. Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng Điều 38; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52; Điểm đ, khoản 2, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2023. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trang T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm e, khoản 2, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trang T10 Tân 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2023. Phạt bổ sung bị cáo T1 số tiền từ 20.000.000 đồng - 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận những hành vi phạm tội của các bị cáo như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh truy tố cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo như sau: Các bị cáo biết hành vi của mình sai trái nên xin giảm nhẹ hình phạt để lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T và bị cáo T1 khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại quán K1, thuộc ấp T, xã H, huyện C, bị cáo Lê Trang Thế T1 đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị Thùy T4, sinh ngày 22/7/2008 (T4 mua ma túy dùm cho bị cáo Nguyễn Thanh T tàng trữ để sử dụng; kết quả giám định T4 dưới 16 tuổi) và nhận tổng số tiền 7.500.000đồng từ bị cáo T chuyển khoản chi trả. Sau khi có được ma túy từ T4; bị cáo T đã cùng với Nguyễn Thị Thùy T4 và những người khác lên xe ô tô biển số 84A-055.96 đi đến khách sạn S3 thuộc ấp B, xã H, huyện C để thuê phòng sử dụng trái phép chất ma túy. Khi bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thùy T4, Lê Thị Mỹ T6, Phan Quỳnh N và Nguyễn Văn L1, đang đứng trước cổng phụ của khách sạn S3 thì T4 gọi điện cho khách sạn M3 để thuê phòng thì bị Tổ tuần tra phòng chống tội phạm Công an huyện C phát hiện vụ việc như đã nêu trên. Kết quả giám định, xác định: “04 (bốn) viên nén hình tròn, màu xanh chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng: 1,3515gam; Tinh thể rắn chứa trong 02 (hai) túi nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, tổng khối lượng: 2,5053gam.

[2] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật mà phạm tội. Bị cáo T là người trực tiếp bàn bạc và nhờ Nguyễn Thị Thùy T4, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008 mua dùm ma túy để tàng trữ và sử dụng trái phép. Còn bị cáo T1 đã trực tiếp đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị Thùy T4, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008. Sau khi bị cáo T giao ma túy cho T4 và bị cáo T1 cũng đã dùng tài khoản cá nhân chuyển khoản cho bị cáo T1 số tiền mua ma túy bao gồm luôn tiền công là 7.500.000 đồng. Sau khi T4 nhận ma túy từ T1, T4 giao cho bị cáo T, bị cáo T nhận ma túy kiểm tra và xác định đúng loại ma túy đã đặt mua thì giao lại cho T4 cất giữ dùm và cùng nhau đến khách sạn S3. Tại đây khi đang đứng trước khách sạn chờ đặt phòng thì bị lực lượng tuần tra Công an huyện C kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên, ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng. Mọi hành vi liên quan đến chất ma túy trái phép đều bị pháp luật nghiêm cấm. Trong thời gian gần đây, nổi lên tình trạng tàng trữ, vận chuyển, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy gia tăng một cách nghiêm trọng, đây là một vấn nạn của xã hội, và cũng chính từ ma túy mà nảy sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với các hành vi phạm tội của các bị cáo, để giáo dục các bị cáo, các bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung tiền đối với các bị cáo T và bị cáo T1 theo quy định.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T là lao động chính trong gia đình, có con đang được theo dõi rối loạn phổ tự kỷ và đang theo học các khóa kỹ năng sống phù hợp khả năng nhận thức của bản thân tại Trung Tâm R; bị cáo T1 có ông ngoại tên Trang Thành Đ được Nhà nước công nhận thương binh hạng $\frac{3}{4}$ là người có công cách mạng nên bị cáo T1 và T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 07/6/2022 bị cáo Nguyễn Thanh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tuyên phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xử phạt 06 tháng tù, ngày 13/01/2023 bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Đến ngày 09/6/2023, bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, thuộc trường hợp tái phạm theo định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng bị cáo T1 có nhân xấu do ngày 09/6/2022 bị Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích cho người khác” nhưng bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[7] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Viên nén hình tròn màu xanh (sau giám định) có khối lượng 1,1957 gam; Tinh thể rắn màu trắng (sau giám định) có khối lượng 0,9987 gam được niêm phong trong phong bì màu trắng, số niêm phong 420/MA2, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn T11, tại các mép dán của phong bì và giấy niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ đề “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH”;

- Tinh thể rắn màu trắng (sau giám định) có khối lượng 1,4646 gam được niêm phong trong phong bì màu trắng, số niêm phong 420/MA3, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn T11, tại các mép dán của phong bì và giấy niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ đề “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH”;

- 01 (một) túi xách bằng nhựa, màu đen, kích thước (20 x 15 x 6,2)cm đã qua sử dụng;

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu đen, số IMEI 359265388767747, đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thanh T) được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký, họ tên Nguyễn Thanh T, Lê Nhất N2, tại mép dán của phong bì có đóng dấu màu đỏ đề “CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN HUYỆN CẦU KÈ T. TRÀ VINH”, ký hiệu B1;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, số máy NWKV2LL/A, số sê-ri GXHCN04ZN72R, số IMEI 353967108472716, số sim 0397.062.849 đã qua sử dụng (của bị cáo Lê Trang Thế T1) được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký, họ tên Lê Trang Thế T1, Võ Chí T12, tại mép dán của phong bì có đóng dấu màu đỏ đề “CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN HUYỆN CẦU KÈ T. TRÀ VINH”, ký hiệu B2;

- 01 (một) xe mô tô, loại Dream, màu đỏ, biển số 64K2-7467, số khung VHCDG012HC001614, đã qua sử dụng.

- Đối với số tiền 7.500.000 đồng bị cáo T1 thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy (do bà Trần Ngọc Á, sinh năm 1959, ngụ ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long - là bà nội ruột của bị can T1 nộp thay).

Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã ra Quyết định chuyển vật chứng đối với các vật chứng nêu trên, từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý theo quy định.

Ngoài ra, tài sản không không phải là vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh đã qua sử dụng của Lê Thị Mỹ T6 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng đã qua sử dụng của Phan Quỳnh N. Quá trình điều tra, xác định tài sản tạm giữ không phải là vật chứng của vụ án. Xét thấy, việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành trao trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- 01 (một) túi nhựa màu đen (loại có quai) bên trong có chứa: 01 (một) tờ T13 mệnh giá 1.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 01 USD; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh; 03 (ba) bật lửa màu đỏ; 01 (một) đĩa sứ, hình tròn, màu trắng; 01 (một) loa di động và 01 (một) đèn chiếu mini, không phải là vật chứng của vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả cho chủ sở hữu theo quy định

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo T và T1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 249; Điều 38; Điều 50 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 05 (*năm*) 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2023.

Xử phạt bổ sung tiền đối với bị cáo Nguyễn Thanh T là 20.000.000 đồng.

2. Bị cáo Lê Trang Thế T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; Điều 50 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Trang T10 Tân 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 10 năm 2023.

Xử phạt bổ sung tiền đối với bị cáo Lê Trang Thế T1 là 20.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Viên nén hình tròn màu xanh (sau giám định) có khối lượng 1,1957 gam; Tinh thể rắn màu trắng (sau giám định) có khối lượng 0,9987 gam được niêm phong trong phong bì màu trắng, số niêm phong 420/MA2, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn T11, tại các mép dán của phong bì và giấy niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ đề “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH”;

- Tinh thể rắn màu trắng (sau giám định) có khối lượng 1,4646 gam được niêm phong trong phong bì màu trắng, số niêm phong 420/MA3, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn T11, tại các mép dán của phong bì và giấy niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ đề “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH”;

- 01 (một) túi xách bằng nhựa, màu đen, kích thước (20 x 15 x 6,2)cm đã qua sử dụng;

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu đen, số IMEI 359265388767747, đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thanh T) được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký, họ tên Nguyễn Thanh T, Lê Nhất N2, tại mép dán của phong bì có đóng dấu màu đỏ đề “CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN HUYỆN CẦU KÈ T.TRÀ VINH”, ký hiệu B1;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, số máy NWKV2LL/A, số sê-ri GXHCN04ZN72R, số IMEI 353967108472716, số sim 0397.062.849 đã qua sử dụng (của bị cáo Lê Trang Thế T1) được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký, họ tên Lê Trang Thế T1, Võ Chí T12, tại mép dán của phong bì có đóng dấu màu đỏ đề “CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN HUYỆN CẦU KÈ T.TRÀ VINH”, ký hiệu B2;

- 01 (một) xe mô tô, loại Dream, màu đỏ, biển số 64K2-7467, số khung VHCDG012HC001614, đã qua sử dụng.

- Số tiền 7.500.000đồng bị cáo T1 thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã ra Quyết định chuyển vật chứng đối

với các vật chứng nêu trên, từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C

đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý theo quy định.

Ngoài ra, tài sản không phải là vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh đã qua sử dụng của Lê Thị Mỹ T6 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng đã qua sử dụng của Phan Quỳnh N. Quá trình điều tra, xác định tài sản tạm giữ không phải là vật chứng của vụ án. Xét thấy, việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành trao trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- 01 (một) túi nhựa màu đen (loại có quai) bên trong có chứa: 01 (một) tờ T13 mệnh giá 1.000đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đồng; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 01 USD; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng A1 màu xanh; 03 (ba) bật lửa màu đỏ; 01 (một) đĩa sứ, hình tròn, màu trắng; 01 (một) loa di động và 01 (một) đèn chiếu mini, không phải là vật chứng của vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả cho chủ sở hữu theo quy định

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T và Lê Trang Thế T1; mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Ai